

Bản án số: 40 /2017/HSST
Ngày: 26/9/2017
Vụ: Lê Đắc T
Cùng đồng phạm
“Trộm cắp tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Sơn; Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Thanh Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố ĐH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐH tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu phố M, phường ĐG, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Đắc T, sinh năm 1985 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố 1, phường ĐG, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Lê Đắc K, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958; hiện trú tại: Khu phố M, phường ĐG, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị; vợ Lê Thị P, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng K, sinh năm 1990 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố T N, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Hoàng T, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1955; đều trú tại: Khu phố T N, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Quảng Trị; vợ Lê Thị H, sinh năm 1993, con Hoàng Bảo T, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Công Đ, sinh năm 1994 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn QH, xã TĐ, huyện TP, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; đều trú tại: Thôn QH, xã TĐ, huyện TP, tỉnh Quảng Trị; vợ Lê Thị Ánh T, sinh năm 1994; có 02 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Ông Nguyễn Văn Q – Chủ doanh nghiệp tư nhân RĐ; địa chỉ: Số 10 NT, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N T, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố C, phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Hoàng Viết H, sinh năm 1990; địa chỉ: 189 HV, thị trấn HL, huyện HL, Quảng Trị, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐH truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 03 giờ 45 phút, ngày 19/4/2017, Hoàng K cùng Lê Đắc T và Nguyễn Công Đ đến kho hàng của ông Nguyễn Văn Q – Chủ Doanh nghiệp tư nhân RĐ tại khu phố C, phường M, thành phố ĐH để đưa 100 tấm kính thủy tinh đi giao cho khách hàng, số hàng này đã được bốc lên xe ô tô từ tối hôm trước. K đến gặp chị Vũ Thị Hoài A là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân RĐ để lấy chìa khóa kho, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, K nảy sinh ý định lấy trộm những tấm kính thủy tinh đang để ở trong kho nên rủ T và Đ cùng tham gia lấy trộm. T và Đ đồng ý, sau đó cả ba cùng nhau bàn bạc và thống nhất: K và T trực tiếp bốc 12 tấm kính thủy tinh có kích thước 168cm x 214cm x 0.4cm từ trong kho hàng lên xe ô tô BKS 74C-016.81, Đ đứng ngoài cảnh giới, do đợi lâu không thấy xe ra nên chị Hoài A vào kho kiểm tra và đếm số kính trên xe thấy có 112 tấm nhưng nghĩ là số lượng xuất theo hóa đơn bán hàng của doanh nghiệp nên không có ý kiến gì và cho xe đi. Đến 05 giờ cùng ngày, chị Hoài A kiểm tra hóa đơn bán hàng thì phát hiện số lượng kính trên xe thừa 12 tấm nên báo cho chủ doanh nghiệp. 12 tấm kính nói trên, K, T và Đ đưa đến bán cho anh H làm nghề nhôm kính tại thị trấn HL được 4.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Hoàng K, Lê Đắc T và Nguyễn Công Đ khai nhận còn thực hiện thêm vụ trộm cắp tài sản tại kho hàng của Doanh nghiệp tư nhân R Đ vào cuối tháng 02/2017 như sau: Vào khoảng 04 giờ một ngày cuối tháng 02/2017, Hoàng K và Lê Đắc T đến kho hàng của Doanh nghiệp tư nhân RĐ để đưa hàng là 100 tấm kính thủy tinh đi giao tại Thừa Thiên Huế, K đến gặp bà Trần Thị T là mẹ của ông Nguyễn Văn Q – Chủ doanh nghiệp RĐ lấy chìa khóa kho hàng để lái xe đi giao hàng, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản, T nảy sinh ý định lấy trộm những tấm kính thủy tinh đang để ở trong kho nên rủ K cùng tham gia lấy trộm, K đồng ý, trong lúc T và K đang bốc kính lên xe thì Nguyễn Công Đ đến nên rủ Đ cùng tham gia, Đ đồng ý và đứng ngoài cảnh giới. Sau khi đã lấy trộm được 14 tấm kính với kích thước 168cm x 214cm x 0.5cm, K đến gặp bà T trả chìa khóa rồi cùng T và Đ đi giao hàng và đưa số kính lấy trộm được đến bán cho anh Hoàng Viết H được 7.300.000 đồng.

Theo kết luận định giá số 42/KLĐGTS ngày 05/5/2017 và 56/KLĐGTS ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố ĐH: 12 tấm kính thủy tinh kích thước mỗi tấm 168cm x 214cm x 0.4cm tại thời điểm mất cắp có giá 5.172.000 đồng; 14 tấm kính thủy tinh, kích thước mỗi tấm 168cm x 214cm x 0.5cm tại thời điểm mất cắp có giá 8.204.000 đồng.

Tại cáo trạng số 37/QĐ/KSĐT-KT ngày 25/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐH truy tố các bị cáo Lê Đắc T, Hoàng K và Nguyễn Công Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điều 20; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đắc T trong khoảng từ 12 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điều 20 khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng K trong khoảng từ 09 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điều 20; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Công Đ trong khoảng từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được: Vào một ngày cuối tháng 02/2017 và ngày 19/4/2017 T, K và Đi được DNTN R Đ giao nhiệm vụ dùng xe ô tô của doanh nghiệp chở kính thủy tinh vào giao cho khách hàng tại tỉnh Thừa Thiên Huế, lợi dụng sự sơ hở của doanh nghiệp trong quản lý tài sản, các bị cáo đã có hành vi lén lút bốc thêm lên xe tổng cộng 26 tấm kính thủy tinh, gồm 12 tấm có kích thước 168cm x 214cm x 0.4cm và 14 tấm có kích thước 168cm x 214cm x 0.5cm với tổng trị giá 15.504.000 đồng nhằm chiếm đoạt để bán tiêu xài cá nhân. Hành vi trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Điều luật có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố, chỉ trong một thời gian ngắn, các bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cần xem xét cho các bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; tự thú về hành vi phạm tội trước đó và đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p, o, b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt, xét vai trò, vị trí, tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo thấy rằng trong hai lần chiếm đoạt tài sản của Doanh nghiệp tư nhân RĐ thì một lần bị cáo K là người khởi xướng và một lần bị cáo T là người khởi xướng và rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản tuy nhiên bị cáo T khởi xướng lần trộm cắp với tang số lớn hơn nên chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo K. Đối với bị cáo Đ, trong cả hai lần phạm tội chỉ giữ vai trò giúp sức nên được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn hai bị cáo còn lại. Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nói trên, HĐXX thấy rằng, các bị cáo có nhân thân tốt, có việc làm ổn định và nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục và cải tạo các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nay không ai có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

Về vật chứng: 12 tấm kính thủy tinh kích thước mỗi tấm 168cm x 214cm x 0.4cm đã trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân R Đ, nay bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Đắc T, Hoàng K và Nguyễn Công Đ** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS, xử phạt bị cáo **Lê Đắc T 12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS, xử phạt bị cáo **Hoàng K 10** (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Công Đ 07** (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

- Giao bị cáo Lê Đắc T cho UBND phường ĐG, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường ĐG trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Giao bị cáo Hoàng K cho UBND thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn CL trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Giao bị cáo Nguyễn Công Đ cho UBND xã TĐ, huyện TP, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã TĐ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Các bị cáo Lê Đắc T, Hoàng K và Nguyễn Công Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. ĐH;
- Công an TP. ĐH;
- THA dân sự TP. ĐH;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ vụ án, dán án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Yến

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA